

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thiện
2. Ông Nguyễn Thị Minh Hoa

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Phan Quang Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị N - Sinh năm: 1994
Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. (Có mặt).
2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Đình H - Sinh năm: 1991
Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/10/2018, bản tự khai ngày 11/01/2019 và tại phiên toà, chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Trần Đình H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn vào ngày 26/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà nội ở Thôn H, xã T, huyện T được khoảng 02 tháng, sau đó về nhà ngoại tại thôn Đ 2, xã T để sinh con. Nhưng anh H bỏ mặc vợ con, không quan tâm đến mẹ con chị, sau đó anh H vào miền Nam làm ăn không liên lạc với gia đình và chị từ đó cho đến nay. Địa chỉ cụ thể của anh H ở đâu chị không biết. Hiện tại tỉnh

cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Theo lời trình bày của chị N: Vợ chồng có 01 đứa con chung là Trần Bảo N sinh ngày 22/9/2013 hiện đang ở với chị tại thôn 2 Đ, xã T, nguyện vọng của chị sau khi ly hôn xin được nuôi con và có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 01 triệu đồng đến lúc con trưởng thành.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Trần Thị N trình bày: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá sau khi thụ lý vụ án đã triệu tập các đương sự nhiều lần đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho các đương sự theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự, nhưng chỉ có mặt nguyên đơn chị Trần Thị N, còn phía bị đơn anh Trần Đình H vắng mặt nên không thể tiến hành hoà giải theo thủ tục được.

Ngày 22/03/2019 Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xác minh tại nhà bà Đinh Thị D (mẹ đẻ của anh Trần Đình H) về quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng anh H, chị N thì bà D cho biết: Chị N và anh H trước đây cùng làm ăn tại Sài Gòn nên quen biết và yêu nhau, sau đó đưa nhau về quê đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã T, không tổ chức lễ cưới, việc kết hôn do hai bên tự nguyện, nhưng sau khi kết hôn vợ chồng sống mỗi người một nơi. Chị N ở nhà ngoại thôn 2 Đ, xã T, huyện T. Còn anh H ở thôn H (tức thôn H mới hiện nay) với gia đình nội. Sau khi sinh con được 3 tháng, chị N bồng con về nhà nội ở, còn anh H làm ăn tự do trong nội tỉnh Quảng Bình. Từ năm 2015 cho đến nay anh H vào Sài Gòn làm ăn, nhưng địa chỉ cụ thể ở đâu gia đình không biết, vì anh H chỉ liên lạc với gia đình qua điện thoại mà không cung cấp thông tin địa chỉ cho gia đình biết. Tuy nhiên hộ khẩu thường trú hiện nay của anh H vẫn ở tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau giữa anh H và chị N thường hay phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc. Thời gian mâu thuẫn từ năm 2014 đến năm 2015 thì chị N bỏ đi vào miền Nam làm ăn, để lại con cho gia đình ngoại nuôi dưỡng. Đến tháng 3/2015, anh H cũng đi vào miền Nam làm ăn, nhưng vợ chồng không gặp nhau và không liên lạc với nhau. Vợ chồng chính thức ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Hiện tại tình cảm vợ chồng giữa hai bên thực sự không còn, nay chị N làm đơn xin ly hôn với anh H thì gia đình cũng nhất trí, đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh H để vợ chồng được ly hôn.

Về con chung của vợ chồng: Bà Đinh Thị D cho biết vợ chồng anh H và chị N có 01 con chung là Trần Bảo N, sinh ngày 22/9/2013. Hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng, gia đình không có ý kiến gì về việc nuôi con của vợ chồng, đề nghị toà án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Bà D thừa nhận chị N và anh H không có tài sản chung và nợ chung.

Bà D còn cung cấp thêm thông tin cho Toà án biết: Vừa qua gia đình bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án và 02 giấy triệu tập của Toà án đối với anh H. Gia đình

đã liên lạc và thông báo cho anh H biết để về giải quyết việc ly hôn giữa anh H và chị N. Nhưng vì điều kiện anh H ở xa, bận công việc nên không thể về tại Toà án để giải quyết việc ly hôn giữa anh H và chị N được. Bà D thừa nhận đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ của Toà án.

Sau khi xác minh Toà án tiếp tục triệu tập anh Trần Đình H nhưng cho đến thời điểm hiện nay và tại phiên toà, anh H vẫn không có mặt tại Toà án để giải quyết việc ly hôn theo đơn yêu cầu của chị Trần Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Trần Thị N và anh Trần Đình H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Bước đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm lẫn nhau và chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống. Anh Trần Đình H chưa làm tròn trách nhiệm của mình đối với gia đình nên từ đó đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay, anh H không liên lạc với chị N, hai bên bỏ mặc mà đi vào miền Nam làm ăn, không ai quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên sống ly thân với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng hiện tại thực sự không còn nên không thể đoàn tụ trở lại. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho cả hai phía, xét nguyện vọng xin ly hôn của chị N là hoàn toàn chính đáng, mặt khác anh Trần Đình H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của anh Trần Đình H là cố tình kéo dài và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, mặc dù anh H đã được gia đình thông tin cho biết việc triệu tập của Toà án nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không hợp tác với Toà án nên không thể tiến hành hoà giải được. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Trần Thị N và áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xử cho chị N được ly hôn vắng mặt anh H là phù hợp.

[2] Về con chung của vợ chồng: Theo chị N trình bày và kết quả xác minh từ phía gia đình anh H thì: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Bảo N - sinh ngày 22/9/2013, hiện tại con đang ở với chị N. Quá trình giải quyết và tại phiên toà chị N có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét nguyện vọng của chị N xin được trực tiếp nuôi con là chính đáng, mặt khác hiện tại anh H đi làm ăn xa, vắng mặt tại địa phương, nên không thể giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị N giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N và buộc anh Trần Đình H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến lúc con trưởng thành là phù hợp.

[3] Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị N thừa nhận không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên H theo biên lai số 0003680 ngày 10 tháng 12 năm 2018, nay phải chịu toàn bộ.

[5] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Đình H phải chịu theo qui định của pháp luật là 300.000đ.

[6] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ các qui định của pháp luật. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã tiến hành hỏi đúng thứ tự và nguyên tắc. Đối với Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Về phía các đương sự, nguyên đơn chị Trần Thị N có mặt chấp hành pháp luật, hợp tác với Toà án. Bị đơn anh Trần Đình H trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt, tại phiên toà tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn không chấp hành pháp luật, thiếu sự hợp tác với Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xử: Chị Trần Thị N ly hôn vắng mặt anh Trần Đình H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con là Trần Bảo N sinh ngày 22/9/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Áp dụng Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến lúc con trưởng thành.

Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí DSST: Buộc chị N phải chịu theo quy định của pháp luật

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh H phải chịu.

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử: Chị Trần Thị N được ly hôn vắng mặt anh Trần Đình H.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con là Trần Bảo N - Sinh ngày 22/9/2013. Buộc anh Trần Đình H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2019 đến khi cháu Trần Bảo N đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Chị N đã nộp tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng theo biên lai số 0003680 ngày 10/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tuyên H nay được khấu trừ toàn bộ, vậy chị N đã nộp đủ án phí.

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với anh Trần Đình H thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án nơi thường trú của anh H.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên H;
- Chi cục THADS huyện Tuyên H;
- Đường sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đoàn Thị Bích Thủy

